**Phần I: Mẫu báo cáo của Công ty quản lý quỹ**

**(Ban hành kèm theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính)**

**BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ**

***(Quý IV/2021)***

**I. Thông tin chung về Quỹ Đầu Tư Tăng Trường DFVN (DFVN – CAF)**

**1. Mục tiêu của Quỹ:**

Quỹ DFVN-CAF đặt mục tiêu tăng trưởng vốn và tài sản của Nhà đầu tư, phấn đấu cao hơn mức tăng trưởng của Thị trường Chứng khoán Việt Nam (VN-Index) trong dài hạn, bằng việc đầu tư chủ yếu vào các cổ phiếu niêm yết trên Thị trường Chứng khoán Việt Nam.

**2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ:**

Tính đến cuối kỳ báo cáo, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ là 10.18% so với giá trị tài sản ròng của quỹ đầu kỳ báo cáo.

**3. Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ:**

**Chiến lược đầu tư:**

Quỹ DFVN-CAF sẽ đầu tư vào một danh mục đầu tư đa dạng hóa bao gồm các cổ phiếu niêm yết có mức vốn hóa lớn trên Thị trường Chứng khoán Việt Nam. Việc lựa chọn ngành nghề và công ty được thực hiện trên cơ sở đánh giá giá trị (value style), phân tích cơ bản (fundamental analysis) và đánh giá các yếu tố thị trường.

Điều kiện lựa chọn công ty như sau:

* Là công ty trong nhóm dẫn đầu ngành nghề kinh doanh
* Có tình trạng tài chính lành mạnh
* Có dòng tiền ổn định, chất lượng tài sản tốt
* Có hệ thống quản trị doanh nghiệp tin cậy.

Lĩnh vực đầu tư chính của Quỹ DFVN-CAF tập trung vào cổ phiếu niêm yết trên các Sở Giao dịch Chứng khoán, cổ phiếu sắp niêm yết và các cổ phiếu doanh nghiệp cổ phần hóa.

**Tài sản được phép đầu tư:**

* Tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng;
* Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan;
* Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
* Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;
* Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu ba mươi phần trăm (30%) giá trị đợt phát hành. Việc đầu tư vào các tài sản tại điểm này phải đáp ứng các điều kiện sau:
	+ Có sự chấp thuận bằng văn bản của Ban Đại diện Quỹ về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện; có quy định tại Bản Cáo bạch; và
	+ Có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành.
* Chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ;
* Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ.

**Cơ cấu đầu tư:**

Tỷ trọng phân bổ tài sản đầu tư của Quỹ như sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Tài sản đầu tư** | **Tỷ trọng (% NAV của Quỹ)** |
| Cổ phiếu | 50% – 100% |
| Tiền gửi ngắn hạn (\*) | 0 – 49% |
| Tiền trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại Ngân hàng giám sát | Là phần còn lại sau khi đầu tư vào hai (02) loại tài sản nêu trên. |

(\*) Kỳ hạn tối đa là ba (03) tháng; Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi tại các Ngân hàng có định mức tín nhiệm thích hợp, trong danh sách đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản.

**4. Phân loại Quỹ:**

Quỹ được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận thành lập Quỹ mở số 34/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 03 tháng 01 năm 2019.

**5. Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ:**

Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

**6. Mức độ rủi ro ngắn hạn (thấp, trung bình, cao):**

Mức độ rủi ro ngắn hạn trung bình.

Đồng thời, với phương pháp lựa chọn đầu tư năng động như trình bày sau đây, mức độ rủi ro ngắn hạn của Quỹ cũng tương ứng linh động theo từng thời điểm đầu tư.

Quỹ DFVN-CAF sẽ áp dụng chiến lược đầu tư chủ động để tìm kiếm, xác định và lựa chọn các cơ hội đầu tư. Căn cứ vào các nghiên cứu, phân tích cơ bản nền kinh tế vĩ mô, phân tích công ty, các yếu tố thị trường, Quỹ sẽ xây dựng mô hình phân bổ tài sản phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quỹ và phù hợp với điều kiện thị trường ở mỗi giai đoạn khác nhau. Đối với từng khoản đầu tư, Quỹ sẽ tập trung tìm kiếm và khai thác các khoản đầu tư có giá trị thị trường hấp dẫn so với giá trị cơ bản, các khoản đầu tư có xu hướng tăng trưởng dài hạn. Đồng thời Quỹ cũng xác định những rủi ro đối với danh mục đầu tư và có biện pháp kiểm soát đối với những rủi ro này. Nhờ đó, danh mục đầu tư của Quỹ bao gồm các tài sản đầu tư có chất lượng cao và có thể gia tăng được giá trị thông qua chiến lược quản lý đầu tư chủ động của Quỹ

**7. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ:**

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày 03 tháng 01 năm 2019.

**8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, số lượng Chứng chỉ Quỹ (“CCQ”) đang lưu hành của Quỹ là 9,459,789.45 CCQ, tương đương với quy mô vốn của Quỹ theo mệnh giá là 94,597,894,500VND.

**9. Chỉ số tham chiếu của Quỹ:**

Quỹ không áp dụng chỉ số tham chiếu

**10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ:**

Như đã được đề cập trong Bản Cáo bạch, Quỹ DFVN-CAF là một quỹ đầu tư chủ yếu vào cổ phiếu với mục tiêu chính là tăng trưởng giá trị vốn trong giai đoạn trung và dài hạn; do đó Quỹ có hạn chế trong việc chia cổ tức. Việc phân phối lợi nhuận (nếu có) sẽ dựa trên cơ sở báo cáo tài chính kiểm toán của Quỹ trong khuôn khổ quy định của pháp luật, theo đề xuất của Công ty Quản lý Quỹ, được chấp thuận bởi Ban Đại diện Quỹ và được Đại hội Nhà đầu tư thông qua.

Việc chi trả lợi nhuận bảo đảm nguyên tắc:

1. Lợi nhuận phân phối cho Nhà đầu tư được lấy từ nguồn lợi nhuận trong kỳ hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi Quỹ đã hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính theo quy định Pháp luật;
2. Mức chi trả lợi nhuận phải phù hợp với chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ quy định tại Điều lệ Quỹ và được Đại hội Nhà đầu tư thông qua;
3. Sau khi chi trả, Quỹ vẫn phải đảm bảo có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ sau khi chi trả lợi nhuận phải không thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng;
4. Trường hợp phân phối lợi nhuận bằng Chứng chỉ Quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.

Hình thức phân phối lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng Đơn vị Quỹ. Việc phân chia lợi nhuận bằng Đơn vị Quỹ phải được sự chấp thuận trước của Đại hội Nhà đầu tư hoặc được sự chấp thuận của Ban Đại diện Quỹ (nếu Đại hội Nhà đầu tư gần nhất đã ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ). Chỉ những Nhà đầu tư có tên trên danh sách Nhà đầu tư sở hữu Đơn vị Quỹ tại ngày chốt quyền mới được nhận Cổ tức từ Quỹ.

Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của Pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho Nhà đầu tư.

Công ty Quản lý Quỹ được phân chia tài sản của Quỹ cho Nhà đầu tư nhiều hơn lợi nhuận đã thực hiện, nhưng phải bảo đảm Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ sau khi thực hiện không được thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng. Kế hoạch, lộ trình thực hiện, quy mô tài sản phân chia, nguồn vốn thực hiện phải được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận

**11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ:**

Trong kỳ, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

**II. Số liệu hoạt động**

**1. Cơ cấu tài sản quỹ:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Cơ cấu tài sản quỹ** | **31/12/2021****(%)** | **31/12/2020****(%)** | **31/12/2019****(%)** |
| 1.Danh mục chứng khoán cơ cấu | 91.92% | 96.17% | 91.41% |
| 2.Tiền và các khoản tương đương tiền | 7.60% | 2.99% | 8.17% |
| 3.Tài sản khác | 0.48% | 0.84% | 0.42% |
| **Cộng** | **100%** | **100%** | **100%** |

**2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chi tiêu** | **31/12/2021** | **31/12/2020** | **31/12/2019** |
| 2.1.Giá trị tài sản ròng của Quỹ | 155,356,470,595 | 102,601,036,261 | 80,870,153,926 |
| 2.2.Tổng số chứng chỉ Quỹ đang lưu hành | 9,459,789.45 | 8,125,094.24 | 7,747,580.49 |
| 2.3.Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Chứng chỉ Quỹ (CCQ) | 16,422.82 | 12,627.67 | 10,438.11 |
| 2.4.Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo | 16,605.09 | 12,627.67 | 11,121.66 |
| 2.5.Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo | 15,520.93 | 10,340.35 | 10,333.88 |
| 2.6.Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo | N/A(2) | N/A(2) | N/A(2) |
| 2.7.Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo | N/A(2) | N/A(2) | N/A(2) |
| 2.8.Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo | N/A(2) | N/A(2) | N/A(2) |
| 2.9.Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ | 5.90% | 23.59% | -4.53% |
| 2.9.1.Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá) | -1.43% | 18.25% | -4.34% |
| 2.9.2.Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện) | 4.90% | 4.41% | -1.07% |
| 2.10.Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ | N/A(3) | N/A(3) | N/A(3) |
| 2.11.Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ | N/A(3) | N/A(3) | N/A(3) |
| 2.12.Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution) | N/A(3) | N/A(3) | N/A(3) |
| 2.13.Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%) | 3.15% | 3.09% | 3.53% |
| 2.14.Tốc độ vòng quay danh mục (lần) | 3.025 | 1.403 | 1.981 |

**3.Tăng trưởng qua các thời kỳ:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Giai đoạn** | **Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ** | **Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm** |
| - 1 năm | 30.05% | 30.05% |
| - 3 năm | N/A(1) | N/A(1) |
| - Từ khi thành lập | 64.23% | 18.00% |
| - Tăng trưởng của chỉ số tham chiếu | N/A(4) | N/A(4) |

**4. Tăng trưởng hàng năm:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thời kỳ** | **31/12/2021(%)** | **31/12/2020(%)** | **31/12/2019(%)** | **31/12/2018(%)** |
| Tỷ lệ tăng trưởng (%)/01 đơn vị CCQ | 30.05% | 20.98% | N/A(1) | N/A(1) |

*Chú thích:*

*- N/A(1): Quỹ mới thành lập và đi vào hoạt động từ ngày 03 tháng 01 năm 2019, chỉ tiêu không đủ dữ liệu để tính toán.*

*- N/A(2): Chứng chỉ Quỹ của quỹ không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.*

*- N/A(3): Quỹ chưa thực hiện phân phối lợi nhuận.*

*- N/A(4): Quỹ không áp dụng chỉ số tham chiếu.*

**III. Mô tả thị trường trong kỳ:**

 Nền kinh tế - xã hội trong Quý 4 năm 2021 được tái khởi động dần sau thời gian quý 3 gần như đóng cửa bởi dịch Covid-19, các hoạt động sản xuất kinh doanh tại các tỉnh nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam như TP. HCM, Bình Dương, Đồng Nai diễn ra với các biện pháp phòng dịch dần được nới lỏng. Chiến dịch tiêm chủng Covid 19 được triển khai từ cuối quý 2/2021 với mục tiêu nhanh chóng đẩy lùi dịch bệnh trên quy mô toàn quốc, Việt Nam được đánh giá là thành công trong chiến dịch tiêm chủng, là “quốc gia đi trước về sau” với tỷ lệ bao phủ ít nhất một liều vắc xin là 99.7% dân số từ 18 tuổi trở lên. Các địa phương như TP. HCM, Đồng Nai, Bình Dương còn tiếp tục triển khai tiêm mũi tăng cường (mũi 3) vào đầu năm 2022. Các dịch vụ vận tải, bán lẻ, dịch vụ ăn uống gần như được mở cửa hoàn toàn. Trong khi đó các nền kinh tế lớn trên thế giới như Mỹ, Nhật Bản, EU đều gần như mở cửa lại hoàn toàn từ Quý 3, ngoại trừ Trung Quốc tiếp tục duy trì chính sách Zero Covid của mình và tại nhiều địa phương vẫn còn tình trạng phong tỏa triệt để. Ngoài ra các khó khăn và rủi ro đối với kinh tế toàn cầu vẫn còn rất lớn và có thể kéo dài trong các năm sau. Thương mại toàn cầu bị tác động tiêu cực do đứt gãy chuỗi cung ứng, tình trạng thiếu hụt hàng hóa quan trọng như chíp điện tử, khí đốt, dầu mỏ góp phần đẩy giá cả hàng hóa thế giới tăng mạnh trong những tháng cuối năm. Ngoài ra biến chủng Omicron mới của virus corona rình rập đe dọa kinh tế toàn cầu. Tại Trung Quốc, khả năng vỡ nợ cao từ các tập đoàn bất động sản lớn cũng gây tiêu cực rất lớn đến thị trường tài chính quốc tế trong cuối quý, ngoài ra việc thiếu hụt điện cũng gây nhiều khó khăn cho quốc gia này trong tăng trưởng kinh tế trong thời gian tới.

 Trong bối cảnh như vậy GDP quý 4 năm 2021 tăng trưởng 5.22% so với cùng kỳ năm 2020, tính chung cả năm 2021 GDP chỉ tăng trưởng 2.58%, thấp hơn mức 3.8% so với dự báo của IMF. Mức tăng trưởng này thấp hơn mức mong đợi của thị trường, chứng tỏ rằng tác động của dịch bệnh trong quý 4 này là rất lớn, việc mở cửa và tái hoạt động kinh tế là tương đối chậm. Đối với hoạt động ngoại thương, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa cả năm 2021 đạt 668.5 tỷ USD, tăng 22.6% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu đạt 336.25 tỷ USD, tăng 19%; nhập khẩu đạt 332.25 tỷ USD, tăng 26.5%. Cán cân thương mại năm 2021 ước tính xuất siêu 4 tỷ USD, giảm khá mạnh sới với mức xuất siêu gần 20 tỷ USD năm 2020. Chỉ số Nhà quản trị mua hàng (PMI) tháng 12 năm 2021 ghi nhận tại mức 52.4, PMI này trên mức trung bình 50 liên tiếp trong 4 tháng, trùng với khoảng thời gian nền kinh tế dần được mở cửa trở lại. Tình hình thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) lũy kế trong năm 2021 cũng đã phần nào phản ảnh khó khăn chung của nền kinh tế khi vốn giải ngân giảm nhẹ 1.2%, trong khi đó vốn đăng ký ngược dòng tăng 9.2% so với cùng kỳ năm trước; vốn FDI đạt mức giải ngân gần 19.7 tỷ USD và đăng ký mới là hơn 31.1 tỷ USD. Trong khi đó, kiểm soát lạm phát đã thực hiện khá tốt, Chính Phủ đã thành công trong việc kiểm soát CPI bình quân dưới mức mục tiêu 4%, mặc dù giá xăng dầu cũng như giá cả hàng hóa thế giới đều tăng mạnh tuy nhiên CPI đến tháng 12/2021 tăng 1.81% so với tháng 12 năm 2020 và CPI lũy kế tăng 1.84% so với cùng kỳ năm trước.

 Thị trường chứng khoán Việt Nam tiếp tục giao dịch sôi động với nhiều triển vọng phục hồi kinh tế trong tương lai. Chỉ số VN-index đóng cửa ngày 31/12/2021 đạt 1498.2 điểm tăng 11.63% so với ngày 30/09/2021 và tăng 35.7% so với cuối năm 2020. Số liệu sơ bộ từ Tổng Cục Thống Kê cho thấy vốn hóa thị trường đến ngày 27/12/2021 đạt hơn 7.7 triệu tỷ đồng, tăng gần 35% so với cuối năm 2020; giá trị giao dịch bình quân hơn 26.5 ngàn tỷ đồng/ phiên nhờ dòng tiền của nhà đầu tư trong nước dẫn dắt. Số lượng tài khoản nhà đầu tư trong nước mở mới tiếp tục duy trì ở mức cao. Tính chung cả năm 2021, nhà đầu tư trong nước mở mới hơn 1.5 triệu tài khoản chứng khoán, riêng trong tháng 12/2021 đã có hơn 226.000 tài khoản được mở, đồng thời là tháng thứ 10 là tháng thứ 10 liên tiếp số tài khoản mở mới duy trì ở mức trên 100.000 mỗi tháng.

 Sau khi triển khai tiêm chủng quy mô toàn quốc, vấn đề dịch bệnh Covid-19 của Việt Nam gần như được kiểm soát, nền kinh tế được kỳ vọng phục hồi và tăng trưởng mạnh trở lại trong năm 2022. Chính Phủ đã ban hành nghị quyết phát triển kinh tế năm 2022, với mục tiêu tăng trưởng kinh tế từ 6%-6.5%. Các tổ chức quốc tế như IMF cũng dự báo kinh tế Việt Nam sẽ tăng trưởng vào khoảng 6.6% trong năm 2022. Tuy nhiên việc các rủi ro trong nước như lạm phát, nợ xấu của hệ thống Ngân hàng, các rủi ro khác từ thế giới như đã phân tích ở trên có thể tiếp tục tác động tiêu cực lên nền kinh tế Việt Nam và cần được kiểm soát. Các khó khăn này là thách thức cho Chính Phủ trong việc ổn định vĩ mô, tăng trưởng kinh tế trong năm 2022.

**IV. Chi tiết các chỉ tiêu hoạt động của quỹ**:

**4.1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **1 năm đến thời điểm báo cáo (%)** | **3 năm gần nhất tính đến thời điểm báo cáo (%)** | **Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)** |
| A | 1 | 2 | 3 |
| Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ | 21.79% | N/A(1) | 30.48% |
| Tăng trưởng Vốn/1 đơn vị CCQ | -3.07% | N/A(1) | 12.93% |
| Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ | 30.05% | N/A(1) | 64.23% |
| Tăng trưởng hàng năm(%)/1 đơn vị CCQ | 30.05% | N/A(1) | 18.00% |
| Tăng trưởng của danh mục cơ cấu | N/A(5) | N/A(5) | N/A(5) |
| Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ | N/A(2) | N/A(2) | N/A(2) |

● Vốn, Tổng tăng trưởng, Tăng trưởng hàng năm: Dựa trên tăng trưởng của giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị Chứng chỉ Quỹ

*Chú thích:*

*- N/A(1): Quỹ mới thành lập và đi vào hoạt động từ ngày 03 tháng 01 năm 2019, chỉ tiêu không đủ dữ liệu để tính toán.*

*- N/A(2): Chứng chỉ Quỹ của quỹ không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.*

*- N/A(5): Quỹ không sử dụng danh mục cơ cấu.*

● Biểu đồ tăng trưởng hàng tháng của Quỹ trong 3 năm gần nhất.

● Thay đổi giá trị tài sản ròng.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Chỉ tiêu | 31/12/2021 | 31/12/2020 | Tỷ lệ thay đổi |
| A | 1 | 2 | 3=((1)-(2))/(2) |
| Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ |  155,356,470,595  |  102,601,036,261  | 51.42% |
| Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ |  16,422.82  |  12,627.67  | 30.05% |

**4.2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ Quỹ tại thời điểm báo cáo (tại thời điểm gần nhất):**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Quy mô nắm giữ (Đơn vị)** | **Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ** | **Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ** | **Tỷ lệ nắm giữ** |
| A | 1 | 2 | 3 |
| Dưới 5000 | 926 | 942,027.47 | 9.96% |
| Từ 5000 - 10.000 | 45 | 304,467.45 | 3.22% |
| Từ 10.000 đến 50.000 | 42 | 752,978.81 | 7.96% |
| Từ 50.000 đến 500.000 | 5 | 460,315.72 | 4.87% |
| Trên 500.000 | 1 | 7,000,000.00 | 74.00% |
| **Tổng cộng** | **1,019** |  **9,459,789.45**  | **100.00%** |

**5.** **Chi phí ngầm và giảm giá**

Quỹ không có chi phí ngầm. Tất cả các chi phí của Quỹ được quy định chi tiết trong điều lệ Quỹ và bản cáo bạch.

**V. Thông tin về triển vọng thị trường**

Biểu đồ bên dưới thể hiện diễn biến chỉ số VN-index (dây màu xanh, chiếu qua trục bên phải) và giá trị giao dịch (cột màu đỏ, chiếu qua trục bên trái, đơn vị: tỷ đồng/ ngày)



 Kỳ vọng của nhà đầu tư cá nhân trong Quý 4 năm 2021 vào thị trường tăng cao sau khi hầu hết các tỉnh thành trọng điểm kinh tế phía Nam như TP. HCM, Bình Dương, Đồng Nai... đều được tái mở cửa trở lại, cùng với thông tin bên lề về gói hỗ trợ phục hồi kinh tế được trình Quốc hội thông qua vào đầu năm 2022 bao gồm gói hỗ trợ lãi vay cho doanh nghiệp, gói ngân sách cho đầu tư công đã được phản ánh vào thị trường. Thị trường chứng khoán Việt Nam đã ghi nhận các đỉnh cao về điểm số và thanh khoản trong Quý 4 năm 2021. Dữ liệu thị trường chứng khoán cho thấy VN-index đóng cửa ngày 31/12/2021 tại mức cao nhất lịch sử 1498 điểm, tăng 11.63% so với ngày 30/09/2021 và tăng 35.7% so với cuối năm 2020. Thanh khoản của thị trường chứng khoán vẫn được duy trì ở mức cao, đứng thứ hai trong khu vực Đông Nam Á chỉ sau Thái Lan với giá trị giao dịch trung bình là 1.27 tỷ USD trên một phiên giao dịch (số liệu đến 12/12/2021). Hệ thống giao dịch của HOSE đã khắc phục hoàn toàn sự cố nghẽn lệnh và hỗ trợ cho mức thanh khoản giao dịch kỷ lục này. Mặc dù vậy tình trạng bán ròng của nhà đầu tư nước ngoài vẫn tiếp diễn, do đó động lực tăng trưởng của thị trường trong giai đoạn này là từ dòng vốn trong nước của các nhà đầu tư cá nhân. Đối với dòng vốn ngoại đầu tư tham gia vào thị trường Việt Nam thông qua các quỹ ETF tiếp tục kém tích cực hơn so với Quý 3. Mặc dù Chính Phủ đã thống nhất mở cửa trở lại kinh tế sau khi đã dần kiểm soát thành công làn sóng dịch Covid lần thứ 4 từ Quý 4 năm 2021 nhưng nhiều khó khăn trước mắt vẫn còn đó như thiếu hụt lao động, giá cả đầu vào tăng cao, vừa mở cửa kinh tế vừa đảm bảo an toàn dịch bệnh, kêu gọi đưa các đơn hàng xuất khẩu, đối tác ngoại quay lại sau khi đã có những dấu hiệu dịch chuyển ra khỏi Việt Nam trong Quý 3.

Trong thực tế, luôn có những sự kiện xảy ra và ảnh hưởng tiêu cực lên thị trường chứng khoán; tuy nhiên, mức độ ảnh hưởng của các biến cố thường mang tính chất ngắn hạn so với cả quá trình phát triển bền vững lâu dài của nền kinh tế và thị trường chứng khoán. Theo đó, khi dịch Covid-19 bắt đầu qua đi, nền kinh tế được mở cửa lại hoàn toàn, hoạt động của doanh nghiệp hồi phục và tăng trưởng trở lại, nhiều giải pháp được Chính Phủ nhiệm kỳ mới thực thi, niềm tin của nhà đầu tư trở lại thì thị trường chứng khoán sẽ tiếp tục phục hồi và tăng trưởng trong dài hạn. Các tổ chức quốc tế đều cho rằng từ năm 2022 nền kinh tế Việt Nam sẽ hồi phục dần và tăng trưởng ổn định trong các năm tiếp theo. Trong trung dài hạn thị trường Chứng khoán Việt Nam vẫn sẽ nhiều tiềm năng phát triển khi:

* Với môi trường kinh tế vĩ mô: Việt Nam được đánh giá phát triển ổn định thể hiện qua các tiêu chí như tăng trưởng GDP sẽ trở lại sau dịch bệnh, lãi suất chưa có dấu hiệu tăng, lạm phát được kiểm soát ở mức thấp, tỷ giá dự báo tiếp tục ổn định, tình hình thu hút FDI vẫn được duy trì chưa có dấu hiệu tiêu cực,... Như vậy, nền kinh tế Việt Nam đang tiếp tục bước vào giai đoạn phát triển với một chu kỳ kinh tế mới cùng với nhiệm kỳ mới của Chính Phủ.
* Về đánh giá Thị trường Chứng khoán: với định giá hợp lý và mức sinh lời hấp dẫn hơn so với các thị trường trong khu vực (mức giá trên thu nhập cổ phiếu PER hợp lý trong khi mức sinh lời trên vốn chủ sở hữu ROE, ROA khá cao). Tầng lớp trung lưu tăng lên và tham gia ngày càng nhiều vào thị trường chứng, thể hiện qua số tài khoản mở mới tăng mạnh trong 2 năm qua.

Ngoài ra, các yếu tố mang tính sự kiện, xúc tác tạo động lực tăng trưởng cho Thị trường Chứng khoán như (i) việc nới room cho Nhà đầu tư nước ngoài; (ii) thúc đẩy cổ phần hóa và niêm yết Doanh nghiệp Nhà nước. Đẩy mạnh giải ngân đầu tư công từ giai đoạn năm 2022-2023 cùng với gói hỗ trợ phát triển kinh tế đang được kỳ vọng Quốc hội thông qua trong năm 2022; (iii) triển vọng nâng hạng Thị trường Việt Nam (FTSE Russel và MSCI Emerging Market); (iv) tích cực đẩy mạnh tham gia các hiệp định thương mại tự do (FTAs); (v) thu hút vốn đầu tư vào thị trường chứng khoán thông qua các sản phẩm như quỹ chỉ số, hợp đồng tương lai, quyền chọn và Luật chứng khoán mới hiệu lực từ tháng 01 năm 2021. Bên cạnh đó, những rủi ro về tình hình dịch Covid-19 có ảnh hưởng sâu rộng đến tình hình kinh tế trên toàn thế giới, và còn đó những rủi ro tiềm ẩn cần lưu ý bao gồm lạm phát tăng cao và bong bóng tài sản có dấu hiệu được thổi phồng khắp nơi trên thế giới do các chính sách ồ ạt nới lỏng tiền tệ để kích thích kinh tế phục hồi tăng trưởng hậu Covid-19, ẩn số nợ xấu trong hệ thống ngân hàng sau dich bệnh, tình hình vỡ nợ trên thị trường bất động sản của Trung Quốc tăng mạnh cuối năm 2021, bất ổn trong thương mại quốc tế, đứt gãy chuỗi cung ứng thế giới, bùng nổ giá cả hàng hóa có thể gây ra những biến động khó lường của dòng vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài vào Thị trường Chứng khoán Việt Nam.

Như vậy, với các yếu tố cơ bản về giá trị kết hợp với các yếu tố định tính như phân tích ở trên cho thấy Thị trường Chứng khoán Việt Nam trong thời gian tới tiếp tục có những kịch bản sáng sủa cùng với kỳ vọng tiếp tục khởi sắc dần của nền kinh tế, tạo tiền đề cho sự phát triển lâu dài trong những năm tiếp theo; và dĩ nhiên bức tranh sáng sủa phải kèm theo những giả định về điều kiện các rủi ro từ bên ngoài Việt Nam được kiểm soát, dịch bệnh Covid-19 được đẩy lùi và nền kinh tế mở cửa hoàn toàn trở lại.

**VI. Thông tin khác**

1. Ban điều hành Công ty quản lý Quỹ

|  |  |
| --- | --- |
| *Ông* **Trần Châu Danh**, Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Điều hành Đầu tư | ***Trình độ chuyên môn*** * Cử nhân Kinh tế Đối ngoại, Đại học Ngoại thương Tp. HCM;
* Cử nhân Ngân hàng, Đại học Ngân hàng Tp. HCM;
* Thạc sỹ Kinh tế Phát triển, Chương trình Cao học Kinh tế Phát triển Việt Nam – Hà Lan, Tp. HCM;
* Văn bằng Chuyên viên Phân tích Tài chính quốc tế CFA (Chartered Financial Analyst);
* Văn bằng Chuyên gia Phân tích Kỹ thuật Thị trường Chứng khoán CMT (Chartered Market Technician);
* Chứng chỉ hành nghề Quản lý Quỹ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

***Kinh nghiệm làm việc***Ông có hai mươi (20) năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư, quản lý quỹ và quản lý danh mục đầu tư. Ông đã tham gia hoạt động vào Thị trường Chứng khoán Việt nam từ khi thị trường mới được thành lập. Trước khi gia nhập Công ty, ông đã làm việc tại Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân Thọ Dai-ichi Việt Nam với vai trò là Phó Tổng Giám đốc Đầu tư, phụ trách các hoạt động đầu tư và quản lý tài sản nợ có từ năm 2011.Trước khi gia nhập Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân Thọ Dai-ichi Việt Nam, ông Danh từng giữ các vị trí chủ chốt tại các công ty quản lý quỹ trong và ngoài nước, đặc biệt ông Danh có hơn bảy (07) năm kinh nghiệm tại Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments (trước đó có tên là Prudential). |
| *Ông* **Masafumi Takeshita**Phó Giám đốc Kế hoạch Công ty và Quản trị Rủi ro | ***Trình độ chuyên môn*** * Thạc sĩ Kinh tế, Đại học Hitotsubashi, Nhật Bản;
* CMA level 2, Hiệp hội phân tích chứng khoán Nhật Bản (SAAJ).

***Kinh nghiệm làm việc***Ông đã có mười (10) năm kinh nghiệm làm việc và nghiên cứu trong lĩnh vực tài chính, bảo hiểm, đầu tư ở nước ngoài.Trước khi sang Việt Nam làm việc tại Công ty, ông đã có hơn bốn (04) năm kinh nghiệm ở vị trí cấp cao phụ trách hoạt động tín dụng của Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Nhật Bản; một trong những công ty bảo hiểm hàng đầu và uy tín tại Nhật Bản có trụ sở chính tại Tokyo. Trước đó, ông đã có thời gian làm việc tại bộ phận phân tích của Ngân hàng Mizuho – Chi nhánh Singapore. |
| *Ông* **Đặng Vị Thanh**,Thành viên Ban Điều hành giữ chức vụ Phó Giám đốc, Trưởng Bộ phận Phát triển Kinh doanh | ***Trình độ chuyên môn*** * Cử nhân Kinh tế Thương mại, Đại học Kinh tế Tp. HCM,
* Cử nhân Anh ngữ, Đại học Mở Tp. HCM;
* Chứng chỉ Quốc tế chuyên ngành Bảo hiểm Nhân thọ: Fellowship, Life Management Institue (FLMI);
* Chứng chỉ hành nghề Quản lý Quỹ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

***Kinh nghiệm làm việc***Ông đã có hơn mười lăm (15) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính, bảo hiểm, quản lý quỹ; trong đó hơn mười (10) năm được đề bạt vào các chức danh quản lý tại các công ty quản lý quỹ hàng đầu Việt Nam.Trước khi gia nhập Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam, ông từng là Trưởng phòng Kinh doanh và Tiếp thị tại Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam và sau đó đảm nhiệm vị trí Giám đốc Kinh doanh, Khối khách hàng cá nhân của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital (trước đó có tên là VinaWealth).Ông có sự am hiểu sâu sắc về thị trường quỹ mở và tích cực đóng góp cho sự phát triển của thị trường quỹ mở tại Việt Nam. |

1. Người điều hành Quỹ

|  |  |
| --- | --- |
| *Ông* **Đặng Nguyễn Trường Tài,**Phó Giám đốc Đầu tư | ***Trình độ chuyên môn*** * Cử nhân Tài chính Doanh nghiệp, Đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh;
* Thạc sỹ Quản trị Chương trình cao học Đại học UQAM (University of Quebec at Montreal, Canada);
* CFO của PACE phối hợp với Học viện Quản trị Tài chính Hoa Kỳ AAFM;
* Chứng chỉ hành nghề Quản lý Quỹ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

***Kinh nghiệm làm việc***Ông có hơn mười lăm (15) năm làm việc trong lĩnh vực đầu tư, tài chính ngân hàng, trong đó có hơn mười (10) năm giữ chức vụ Phụ trách đầu tư cổ phiếu tại các Công ty: Công ty Quản lý Quỹ Nhân Việt, Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam và Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam. |
| *Bà* **Trần Thị Anh Trâm,**Trưởng phòng Cao cấp Nghiệp vụ Quản lý Quỹ | ***Trình độ chuyên môn*** * Cử nhân Luật, Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh;
* Cử nhân chuyên ngành Kế toán/Kiểm toán, Đại học Văn Lang;
* Chứng chỉ hành nghề Quản lý Quỹ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

***Kinh nghiệm làm việc***Trên mười bốn (14) năm làm việc trong lĩnh vực tài chính kế toán và đầu tư. Trong đó có hơn mười (10) năm kinh nghiệm quản lý tài sản tại các Công ty: Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam và Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam. |

1. Ban Đại diện Quỹ

|  |  |
| --- | --- |
| *Ông* **Đỗ Hùng Việt** | Ông đã có hơn hai mươi (20) năm kinh nghiệm ở nhiều vị trí quản lý trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, đầu tư. Ông từng là Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Công ty Chứng khoán Tp. HCM (HSC). Trước đó, ông đã từng giữ cương vị Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc Công ty Chứng khoán Tp. HCM (HSC) và Phó Chủ tịch Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán Việt Nam (VASB). Trước khi gia nhập HSC, ông đã có bốn (04) năm làm việc tại Quỹ Đầu tư Phát triển Đô thị Tp. HCM (HIFU) với vị trí Trưởng phòng ủy thác.  |
| *Ông* **Huỳnh Văn Dũng** | Ông đã có hơn hai mươi (20) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực kiểm toán và cung cấp dịch vụ chuyên ngành trong lĩnh vực kiểm toán.Ông hiện đang là Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Chi nhánh Tp. HCM Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE). Ông đã có thời gian đảm nhiệm cương vị Giám đốc của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn An Việt; và đã từng là Chủ nhiệm Kiểm toán cao cấp của VACO – Deloitte JV.Ông có Chứng chỉ Kiểm toán viên quốc gia (CPA), là thành viên Hội Kiểm toán Hành nghề Việt Nam (VACPA), thành viên Hội Kế toán Kiểm toán Việt Nam (VAA) và thành viên Hội tư vấn Thuế Việt Nam (VTCA). |
| *Ông* **Nguyễn Gia Huy Chương** | Ông đã có hai mươi (20) năm kinh nghiệm về tư vấn doanh nghiệp, tư vấn thuế và bất động sản. Công việc của ông chủ yếu trong các lĩnh vực: tư vấn về doanh nghiệp, mua bán và sáp nhập và mở rộng danh mục khách hàng đến cả các lĩnh vực chuyên môn nhất: bất động sản, nghỉ dưỡng, xây dựng, tài chính công nghệ, y tế, ẩm thực và đồ uống (F&B), quản lý cảng, vận tải và viễn thông. Hiện tại, ông đang đóng vai trò là Luật sư điều hành của Global Vietnam Lawyers LLC (GV Lawyers), một công ty luật quốc tế được thành lập gần đây bởi một nhóm luật sư tận tâm và giàu kinh nghiệm, những người đã tạo dựng và đẩy mạnh sự nghiệp của mình tại các công ty luật hàng đầu của Việt Nam. Trong đó, gần đây nhất, có Công ty luật Phước & Các Cộng Sự (Phuoc & Partners). Ông đã có hơn 10 năm liên tục trong vai trò là Giám đốc và là Luật sư điều hành của Phuoc & Partners. Ông có bằng Thạc sĩ Luật chuyên ngành Luật Thương mại Quốc tế tại Trường Luật Bristol Law School, Đại học UWE Bristol, UK, Cử nhân Luật tại Đại học Luật Tp. HCM; là thành viên Đoàn Luật sư Tp. HCM và thành viên Hiệp hội Luật sư Châu Á Thái Bình Dương. |

*Tp, Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 01 năm 2022*

**CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM**

 **Trần Châu Danh**

 **TỔNG GIÁM ĐỐC**